

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

LÊ THỊ PHƯỢNG

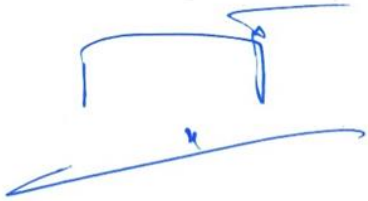
**THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG,
TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ
KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM**

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ
NGÀNH: LÝ LUẬN VÀ LỊCH SỬ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT
Mã số: 9380106

HÀ NỘI - 2026

**Công trình được hoàn thành tại
Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Chủ tịch Hội đồng



PGS.TS. Trần Quang Hiến

Người hướng dẫn khoa học



1. PGS.TS. Hoàng Hùng Hải



2. PGS.TS. Bùi Thị Hạnh

Phản biện 1: PGS.TS. Trương Hồ Hải

Ủy ban Pháp luật và Tư pháp của Quốc hội

Phản biện 2: PGS.TS. Nguyễn Thị Báo

Hội Xuất bản Việt Nam

Phản biện 3: PGS.TS. Tường Duy Kiên

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

**Luận án được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện
hợp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

Vào hồi 14h00 ngày 28 tháng 8 năm 2026

**Có thể tìm hiểu luận án tại: Thư viện Quốc gia
và Thư viện Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh**

MỞ ĐẦU

1. Lý do lựa chọn đề tài luận án

Nằm ở khu vực có điều kiện địa hình, khí hậu đa dạng, Việt Nam thường xuyên đối mặt và chịu tác động tiêu cực của các loại hình thiên tai. Dưới góc độ chính trị - xã hội, Đảng và Nhà nước ta luôn đặc biệt chú trọng công tác an sinh xã hội, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa để phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai. Mỗi khi thiên tai xảy ra, phong trào vận động, tiếp nhận (VĐTN) nguồn đóng góp tự nguyện (ĐGTN) lại được các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phát động rộng rãi. Điều này thể hiện sâu sắc truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái của dân tộc Việt Nam. Truyền thống đó đã sớm được thể chế hóa: ngay sau khi giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 70, ngày 25/02/1946 thành lập Ủy ban Trung ương hộ đê - một trong những văn bản pháp lý đầu tiên của Nhà nước ta về huy động, tổ chức lực lượng phòng, chống thiên tai. Thực tiễn minh chứng, việc huy động hiệu quả nguồn ĐGTN trong và ngoài nước đã đóng vai trò to lớn, hỗ trợ kịp thời chính quyền và Nhân dân các địa phương từng bước khắc phục khó khăn, sớm ổn định cuộc sống.

Về cơ sở chính trị, những năm gần đây, Đảng ta đã ban hành nhiều văn bản quan trọng, đặt ra yêu cầu mới, trực tiếp đối với công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật trong mọi lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực VĐTN nguồn ĐGTN. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới xác định thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả là yêu cầu có tính nguyên tắc. Tiếp đó, xác định công tác thi hành pháp luật là một khâu đột phá, đòi hỏi chuyển mạnh từ quản lý bằng thủ tục hành chính sang phục vụ, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, đồng thời siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường kiểm tra, giám sát và trách nhiệm giải trình trong tổ chức thực hiện pháp luật. Cùng với đó, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/01/2025 về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, Kết luận số 09-KL/TW ngày 10/3/2026 về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và Kết luận số 17-KL/TW ngày 02/4/2026 về định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI. Các văn bản này tiếp tục yêu cầu khắc phục tình trạng chồng chéo, mâu thuẫn, thiếu khả thi và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật. Những định hướng này đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu một cách hệ thống việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT - một lĩnh vực vừa mang tính nhân đạo, vừa liên quan trực tiếp đến quản lý nguồn lực xã hội và niềm tin của Nhân dân.

Bên cạnh đó, tính cấp thiết của đề tài còn gắn với bối cảnh sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy và cải cách hành chính đang được triển khai quyết liệt. Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và các nghị quyết, kết luận khác của Trung ương về sắp xếp đơn vị hành chính, hợp nhất một số bộ, ngành, tổ chức chính quyền địa phương theo mô hình hai cấp (cấp tỉnh và cấp xã), hệ thống chủ thể có thẩm quyền vận động, tiếp nhận, phân phối nguồn ĐGTN đã có sự thay đổi căn bản so với thời điểm ban hành Nghị định số 93/2021/NĐ-CP. Việc không còn cấp huyện với tư cách một cấp chính quyền, việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, trong đó có Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, đặt ra hàng loạt vấn đề pháp lý cần giải quyết: xác định lại thẩm quyền, trình tự, thủ tục vận động, tiếp nhận; phân định trách nhiệm phối hợp giữa các chủ thể; bảo đảm tính liên tục, kịp thời của hoạt động cứu trợ trong thời gian chuyển đổi. Đây là những nội dung mà các quy định hiện hành và các nghiên cứu đã có chưa kịp cập nhật, luận giải đầy đủ.

Đồng thời, yêu cầu chuyển đổi số đang tác động sâu sắc đến phương thức THPL trong lĩnh vực này. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định chuyển đổi số là phương thức sản xuất mới, đòi hỏi phát triển dữ liệu, nền tảng số và quản trị dựa trên dữ liệu. Trên thực tế, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT đã và đang diễn ra chủ yếu trên môi trường số: vận động qua mạng xã hội, tiếp nhận qua tài khoản ngân hàng, ví điện tử, công nhân đạo số, công khai danh sách nhà tài trợ và kết quả phân phối trên nền tảng trực tuyến. Trong khi đó, pháp luật hiện hành chưa có quy định đầy đủ về cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ điều phối cứu trợ, về giá trị pháp lý của chứng từ điện tử, về xác thực danh tính và giám sát dòng tiền trên nền tảng số. Cùng với các định hướng lớn được xác định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, những yêu cầu nêu trên cho thấy việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT là nhiệm vụ có tính cấp thiết cả về chính trị, pháp lý và thực tiễn.

Về cơ sở pháp lý, hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN mang tính nhân văn nhưng đòi hỏi cơ chế quản lý chặt chẽ, minh bạch. Nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn các nguy cơ sai phạm, hệ thống pháp luật điều chỉnh lĩnh vực này đang từng bước được hoàn thiện. Hiện nay, bên cạnh Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ - văn bản nền tảng quy định cơ bản, toàn diện về VĐTN, phân phối và sử dụng các nguồn ĐGTN - còn có sự đồng bộ của nhiều văn bản pháp lý quan trọng khác như: Luật Phòng, chống

thiên tai năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2020, hiện được hợp nhất tại Văn bản số 21/VBHN-VPQH), Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam năm 2015, Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Phòng thủ dân sự năm 2023, cùng các nghị định hướng dẫn liên quan (Nghị định 66/2021/NĐ-CP, Nghị định 50/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP), Nghị định 93/2019/NĐ-CP...). Khung pháp lý này đã quy định rõ nguyên tắc, thẩm quyền của các chủ thể, quy trình tiến hành, cũng như yêu cầu công khai, minh bạch trong phân bổ nguồn lực. Nhờ đó, việc tổ chức thực hiện pháp luật (THPL) về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ thời gian qua đã có nhiều chuyển biến tích cực, đi vào nền nếp và đạt hiệu quả thiết thực.

Tuy nhiên, quá trình THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai (KKĐTT) vẫn còn bộc lộ những hạn chế, nhất là trong điều phối. Việc thiếu một hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia cập nhật theo thời gian thực khiến các nhóm thiện nguyện tự phát và các tổ chức khó xác định chính xác địa bàn đã được hỗ trợ đủ và địa bàn còn thiếu. Còn khoảng trống pháp lý về kiểm toán, hậu kiểm: Cơ chế giám sát hiện tại chủ yếu dựa trên báo cáo tự kê khai của chủ thể vận động, thiếu vai trò của các tổ chức kiểm toán độc lập hoặc giám sát chuyên sâu từ cộng đồng. Nghị định 93/2021/NĐ-CP đã mở đường cho cá nhân vận động, nhưng quy trình mở tài khoản riêng biệt, cam kết giải ngân và chế tài xử lý khi cá nhân làm sai vẫn rất khó thực thi trong thực tế do thiếu công cụ quản lý tài chính số. Nhìn nhận từ góc độ của các chủ thể quản lý, năng lực điều phối, tổ chức tiếp nhận ở một số cơ quan, tổ chức đôi lúc còn lúng túng, bị động, biểu hiện rõ nhất là sự chồng chéo, chưa phân định rõ thẩm quyền giữa Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quản lý và định hướng nguồn đóng góp tự nguyện. Bên cạnh đó, sự phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nhân đạo và các cá nhân tham gia vận động chưa thực sự chặt chẽ, đồng bộ. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả phân bổ nguồn đóng góp; thực tế cho thấy vẫn xảy ra tình trạng phân bổ nguồn lực chồng chéo, chưa công bằng hoặc chưa bám sát nhu cầu thiết yếu của người dân vùng lũ, làm lãng phí nguồn lực và suy giảm ý nghĩa của công tác cứu trợ. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong quá trình THPL chưa được tiến hành thường xuyên, triệt để.

Hiện nay, ở nước ta đã có nhiều công trình nghiên cứu về công tác phòng, chống thiên tai, hoạt động từ thiện và an sinh xã hội nói chung. Dù vậy, mảng đề tài đi sâu đánh giá thực tiễn thi hành pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ - đặc biệt dưới lăng kính đánh giá năng lực của các chủ thể quản lý và giải quyết bài toán tối ưu hóa hiệu quả phân bổ nguồn lực sau khi hệ thống pháp luật mới được ban hành vẫn còn những khoảng trống nhất định cần tiếp tục được nghiên cứu, bổ khuyết. Từ những đòi hỏi cấp thiết về cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc nghiên cứu sinh lựa chọn vấn đề: ***“Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam”*** làm đề tài luận án tiến sĩ là rất cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận án là đề xuất các giải pháp mang tính khả thi nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật (THPL) về vận động, tiếp nhận (VĐTN) nguồn đóng góp tự nguyện (ĐGTN) hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai (KKDĐT) ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận án tập trung giải quyết các nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tổng quan, đánh giá tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài ở trong và ngoài nước; rút ra những giá trị khoa học có thể kế thừa và xác định rõ những “khoảng trống” mà luận án cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, giải quyết.

- Hệ thống hóa và làm sáng tỏ cơ sở lý luận về THPL trong lĩnh vực VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDĐT (bao gồm khái niệm, đặc điểm, các hình thức thực hiện, các yếu tố bảo đảm và tiêu chí đánh giá hiệu quả).

- Khảo sát, phân tích và luận giải khách quan thực trạng các quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDĐT ở Việt Nam thời gian qua. Từ đó, chỉ rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc, sự chồng chéo trong quá trình áp dụng pháp luật và nguyên nhân của những hạn chế đó.

- Xây dựng hệ thống các quan điểm, định hướng và đề xuất các giải pháp cụ thể (về hoàn thiện thể chế và tổ chức thực thi) nhằm bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDĐT ở Việt Nam trong bối cảnh mới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là hệ thống các quy phạm pháp luật điều chỉnh hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDĐT và các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình tổ chức THPL trên thực tế (thể hiện qua các hình thức: tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật). Đối tượng nghiên cứu được giới hạn ở nguồn đóng góp tự nguyện trong nước của tổ chức, cá nhân theo Nghị định số 93/2021/NĐ-CP; không bao gồm viện trợ quốc tế khẩn cấp theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, các khoản chi từ ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách và nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi về nội dung:* Luận án tập trung nghiên cứu, đánh giá các quy định pháp luật và thực tiễn triển khai các hình thức THPL đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDĐT, trọng tâm là việc thi hành và áp dụng khuôn khổ pháp lý theo Nghị định số 93/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan. Cụm từ "vận động, tiếp nhận" trong tên đề tài được hiểu là hai công đoạn trọng tâm của chu trình pháp lý đối với nguồn đóng góp tự nguyện. Tuy nhiên, do kết quả của vận động, tiếp nhận chỉ có thể đánh giá đầy đủ thông qua kết quả đầu ra, luận án đồng thời nghiên cứu ở mức độ cần thiết các công đoạn phân

phối, sử dụng; công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm, với tư cách là những công đoạn có quan hệ nhân quả trực tiếp với hai công đoạn trọng tâm nêu trên. Về nguồn lực, luận án chỉ nghiên cứu nguồn đóng góp tự nguyện trong nước của tổ chức, cá nhân theo Nghị định số 93/2021/NĐ-CP; không nghiên cứu viện trợ quốc tế khẩn cấp theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP, các nguồn tài trợ từ ngân sách nhà nước, các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoặc nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA).

- *Phạm vi về không gian*: Luận án nghiên cứu việc THPL trên phạm vi toàn quốc (Việt Nam). Trong đó, để minh chứng cho các luận điểm thực tiễn, luận án giới hạn việc thu thập số liệu, khảo sát và nghiên cứu điển hình tại một số địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng trực tiếp của thiên tai và có hoạt động VĐTN diễn ra sôi động, phức tạp (Sơn La; Yên Bái, nay thuộc tỉnh Lào Cai; Quảng Ninh; Hải Phòng; Nghệ An; Quảng Bình và Quảng Trị, nay là tỉnh Quảng Trị; Thừa Thiên Huế, nay là thành phố Huế). Các địa bàn này được lựa chọn theo ba tiêu chí: (i) tần suất và mức độ thiệt hại do thiên tai trong giai đoạn 2013 - 2025; (ii) tính đại diện cho các loại hình thiên tai đặc trưng theo vùng, gồm lũ quét và sạt lở đất ở miền núi phía Bắc, bão và ngập lụt ở ven biển Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ; (iii) quy mô và tính phức tạp của hoạt động vận động, tiếp nhận diễn ra trên địa bàn, nhất là sau cơn bão Yagi tháng 9/2024. Do các địa bàn khảo sát chưa bao phủ khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long, các kết luận rút ra từ dữ liệu khảo sát được sử dụng ở mức độ minh chứng cho các nhận định chung, không thay thế cho số liệu thống kê toàn quốc. Bên cạnh đó, do nghiên cứu sinh đang công tác tại Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, để hạn chế khả năng thiên lệch trong thu thập và diễn giải dữ liệu, luận án thực hiện ba biện pháp: đối chiếu chéo số liệu của Hội Chữ thập đỏ với số liệu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan quản lý nhà nước; không dùng số liệu hoặc ý kiến từ hệ thống Hội làm căn cứ duy nhất cho bất kỳ nhận định đánh giá nào; và đối chiếu mọi thông tin thu được qua phỏng vấn với văn bản pháp luật, báo cáo chính thức hoặc số liệu thống kê độc lập trước khi sử dụng.

- *Phạm vi về thời gian*: Luận án thu thập số liệu, đánh giá thực trạng từ năm 2013 (thời điểm ban hành Luật Phòng, chống thiên tai năm 2013) đến hết năm 2025. Trong đó, tập trung phân tích sâu giai đoạn từ khi Nghị định số 93/2021/NĐ-CP có hiệu lực thi hành để có sự đối chiếu, so sánh tính hiệu quả của khung pháp lý mới.

- *Phạm vi về chủ thể*: Luận án giới hạn nghiên cứu nhóm các chủ thể tham gia quản lý, giám sát và trực tiếp thực hiện hoạt động VĐTN bao gồm: Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam các cấp; các quỹ xã hội, quỹ từ thiện; các cơ quan thông tin đại chúng và các tổ chức, cá nhân trực tiếp tham gia đóng góp hoặc vận động, tiếp nhận, phân phối nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Luận án được triển khai thực hiện thông qua các cách tiếp cận chủ yếu sau:

- Cách tiếp cận mục tiêu, nội dung và tiếp cận hệ thống.
- Cách tiếp cận khách quan, toàn diện, lịch sử cụ thể theo quan điểm duy vật biện chứng.
- Cách tiếp cận liên ngành: Luật học, Xã hội học và Khoa học quản lý.

4.2. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận án được nghiên cứu trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng, chống thiên tai (PCTT) và về hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung; về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT nói riêng.

Để giải quyết được các nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, nghiên cứu sinh đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể sau: *Phương pháp nghiên cứu tài liệu; Phương pháp phân tích, tổng hợp; Phương pháp thống kê, so sánh; Phương pháp khảo sát thực tiễn; Phương pháp phỏng vấn sâu; Phương pháp nghiên cứu điển hình; Phương pháp chuyên gia.*

5. Những đóng góp mới về khoa học của luận án

- Một là, luận án làm sáng tỏ cơ sở lý luận THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, trong đó xây dựng khái niệm, xác định bốn hình thức thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này và bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện pháp luật.

Hai là, luận án phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT những năm qua, từ đó đề xuất các quan điểm, giải pháp bảo đảm THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam thời gian tới.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

6.1. Ý nghĩa lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận của việc THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT, qua đó góp phần bổ sung và làm phong phú thêm lý luận THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Luận án là tài liệu tham khảo cho các cơ quan nhà nước trong quá trình sửa đổi, bổ sung, ban hành các văn bản pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam; cung cấp luận cứ khoa học cho các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân nâng cao ý thức THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam. Ngoài ra, Luận án còn có thể được sử dụng làm tài liệu tham khảo phục vụ nghiên cứu, giảng dạy, học tập pháp luật và hoàn thiện pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT trong các cơ quan, tổ chức thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao.

7. Kết cấu của luận án

Ngoài Mở đầu, Kết luận, Danh mục công trình đã công bố của tác giả liên quan đến luận án, Danh mục tài liệu tham khảo và Phụ lục, nội dung luận án gồm 04 chương, 12 tiết.

Chương 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU Ở TRONG NƯỚC

1.1.1. Một số công trình nghiên cứu có liên quan đến phòng, chống thiên tai

Về nhóm các sách chuyên khảo, tài liệu hướng dẫn: Một số sách chuyên khảo đã phân tích, làm rõ thực trạng thiên tai xảy ra ở nước ta, nguyên nhân và các giải pháp phòng, chống. Điển hình như: *"Sách trắng về phòng, chống thiên tai ở Việt Nam năm 2022"*; *"Cộng đồng và vai trò trong ứng phó với thiên tai"*; *"Phòng chống thiên tai và dịch bệnh"*; *"Tài liệu hướng dẫn dạy và học về giảm nhẹ rủi ro thiên tai"*; *"Hợp tác phòng, chống thiên tai của Asean trong điều kiện biến đổi khí hậu toàn cầu"*; *"Tuyển tập các công trình nghiên cứu, chương trình khoa học và công nghệ phục vụ Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2011 - 2015"*.

Về nhóm các luận án tiến sĩ: Các công trình ở nhóm này tập trung vào việc tăng cường năng lực, kiến thức và kỹ năng tổ chức triển khai công tác PCTT: *"Nghiên cứu cơ sở khoa học lập quy hoạch phòng, chống ứng ngập dựa trên phân tích rủi ro"*; *"Nghiên cứu giải pháp tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn ngành Công an trong bối cảnh biến đổi khí hậu"*.

Về nhóm các bài viết tiêu biểu như: *"Phòng, chống thiên tai là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân và xã hội"*; *"Thách thức thiên tai và giải pháp nâng cao hiệu quả phòng, chống đối với khu vực miền Trung"*; *"Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường"*; *"Công tác vận động quần chúng nhân dân trong phòng, chống thiên tai"*; *"Vietcombank đồng hành cùng doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và thiên tai và lũ lụt"*; *"Các tổ chức tôn giáo tham gia ứng phó với thiên tai và biến đổi khí hậu gây ra ở Việt Nam hiện nay"*; *"Tín dụng ngân hàng với công tác phòng ngừa thiên tai và bảo vệ môi trường ở Việt Nam"*; *"Tăng cường lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng, chống thiên tai"*; *"Ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng chống thiên tai"*; *"Nghiên cứu kinh nghiệm giảm nhẹ thiên tai trước tác động của biến đổi khí hậu"*; *"Bài học kinh nghiệm và nhiệm vụ trọng tâm trong công tác phòng chống thiên tai"*; *"Bài học kinh nghiệm trong phòng, chống thiên tai"*.

1.1.2. Một số công trình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến hoạt động từ thiện, nhân đạo

Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN khắc phục KKDTT là một bộ phận của hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung. Những năm qua, ở nước ta đã có một số công trình nghiên cứu của các tác giả về vấn đề này như: Về nhóm các sách chuyên khảo, đề tài nghiên cứu khoa học và kỷ yếu hội thảo, như: *"Nhận thức của người dân về*

hoạt động từ thiện và khả năng gây quỹ của các tổ chức phi chính phủ Việt Nam”; “Thực trạng pháp luật về từ thiện nhân đạo ở Việt Nam”; Luận án tiến sĩ “Sự tham gia hoạt động từ thiện xã hội của Phật tử tại thành phố Hà Nội hiện nay”; “Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội cấp cơ sở trong việc đảm bảo an sinh xã hội cho cư dân nông thôn: Nghiên cứu trường hợp tại hai xã”... một số bài báo tiêu biểu như: “Hoạt động từ thiện của người dân qua khảo sát xã hội học ở cộng đồng”; “Từ thiện xã hội tôn giáo những vấn đề đặt ra với công tác quản lý nhà nước tại Việt Nam hiện nay”; “Hoạt động từ thiện xã hội nét đẹp văn hóa của Đạo Phật”; “Hoạt động từ thiện xã hội - Thực trạng và giải pháp”...

1.1.3. Các công trình nghiên cứu liên quan đến thực hiện pháp luật

Việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN khắc phục KKDDTT là một bộ phận của công tác THPL nói chung. Những năm qua, có nhiều công trình nghiên cứu được công bố ở nước ta liên quan đến THPL nói chung và THPL trong các lĩnh vực, ở các địa phương, địa bàn hoặc liên quan đến các nhóm đối tượng cụ thể nói riêng. Tiêu biểu như: Sách chuyên khảo *"Quản lý rủi ro thiên tai và hỗ trợ cộng đồng"*; *"Chủ động phòng chống thiên tai và quản lý khủng hoảng"*; sách chuyên khảo *"Thực hiện, áp dụng và giải thích pháp luật ở Việt Nam"*; luận án tiến sĩ: Nhiều luận án đã vận dụng khung lý luận về thực hiện pháp luật vào các lĩnh vực chuyên ngành khác nhau, tiêu biểu là các luận án về thực hiện pháp luật về dân chủ ở xã, phường, thị trấn, về đấu giá quyền sử dụng đất ở các tỉnh Bắc Trung Bộ, về kiểm soát thỏa thuận hạn chế cạnh tranh, về quyền, nghĩa vụ của luật sư trong giai đoạn tố tụng hình sự...

1.1.4. Một số công trình nghiên cứu ở trong nước có liên quan đến thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Trong phạm vi tài liệu mà tác giả khảo cứu được, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về thực hiện pháp luật trong VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta. Tuy nhiên, trong nội dung của một số công trình nghiên cứu có liên quan được công bố trong những năm qua, các tác giả đã đề cập và tiếp cận một số khía cạnh nội dung liên quan đến THPL về lĩnh vực này. Điển hình như: Báo cáo *"Hoàn thiện hành lang pháp lý cho hoạt động từ thiện của Việt Nam trên cơ sở pháp luật hiện hành"*; bài viết *"Chính sách thuế, kế toán đối với các quỹ xã hội, từ thiện ở Việt Nam"*; sách chuyên khảo của tác giả Đỗ Minh Tuấn và tác giả Lê Trọng Nghĩa.

1.2. TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU NGOÀI NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.2.1. Một số công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến phòng, chống thiên tai

Cũng giống với Việt Nam, hằng năm ở các quốc gia trên thế giới và khu vực cũng xảy ra các hiện tượng thiên tai và gây hậu quả tác hại ở các mức độ

nặng, nhẹ khác nhau đối với đời sống xã hội. Do đó, công tác PCTT nói chung cũng được các chuyên gia, nhà khoa học ở các nước nghiên cứu: “*Báo cáo đánh giá thiên tai toàn cầu năm 2019*”; bài viết “*Multi-hazard risk assessment of coastal vulnerability from tropical cyclones - A GIS based approach for the Odisha coast*” (Đánh giá rủi ro đa thiên tai về tính dễ bị tổn thương của vùng ven biển do bão nhiệt đới - Phương pháp tiếp cận dựa trên GIS cho bờ biển Odisha); sách chuyên khảo “*African experiences in community-based disaster risk reduction*” (Kinh nghiệm của Châu Phi về giảm thiểu rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng); “*Kobe earthquake: Turning point of community based risk reduction in Japan*” (Trận động đất Kobe: Bước ngoặt trong việc giảm thiểu rủi ro dựa vào cộng đồng ở Nhật Bản); Luận án tiến sĩ “*An advanced methodology for the multi-risk assessment: an application for climate change impacts in the North Adriatic case study (Italy)*” (Phương pháp tiên tiến để đánh giá đa rủi ro: ứng dụng về tác động của biến đổi khí hậu trong nghiên cứu trường hợp Bắc Adriatic - Ý). Bên cạnh đó, còn có một số công trình khác ở nước ngoài cũng có nội dung nghiên cứu về công tác PCTT như: sách chuyên khảo “*Financing Community Resilience Before Disaster Strikes: Lessons From the United States*” (Cấp vốn cho khả năng phục hồi của cộng đồng trước thảm họa: Bài học từ Hoa Kỳ); báo cáo “*Living with Risk: A Global Review of Disaster Reduction Initiatives*” (Sống chung với rủi ro: Đánh giá toàn cầu về các sáng kiến giảm nhẹ thiên tai); bài viết “*Community based approaches to disaster mitigation*” (Các phương pháp tiếp cận dựa vào cộng đồng để giảm nhẹ thiên tai)...

1.2.2. Một số công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến hoạt động từ thiện, nhân đạo

Nhằm kịp thời hỗ trợ, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống cũng như khắc phục hậu quả của thiên tai gây ra cho đời sống xã hội, nhiều chuyên gia, nhà khoa học ở nước ngoài đã có các công trình nghiên cứu về hoạt động từ thiện, nhân đạo nói chung. Một số công trình nghiên cứu về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc thực hiện hoạt động từ thiện, nhân đạo như sách chuyên khảo “*The Profits of Charity*” (Những lợi ích của từ thiện); “*Basics of International Humanitarian Missions*” (Những vấn đề cơ bản sứ mệnh nhân đạo quốc tế). Bên cạnh đó, một số công trình nghiên cứu ở nước ngoài đã phân tích, làm rõ về các định hướng và phạm vi tổ chức hoạt động từ thiện, nhân đạo ở một số quốc gia trên thế giới. Điển hình như bài viết “*Philanthropic structuring: The Asian context*” (Cấu trúc từ thiện: Bối cảnh châu Á); sách chuyên khảo “*Market Orientation of Nonprofit Organizations: An Indian Perspective*” (Định hướng của các tổ chức phi lợi nhuận: Quan điểm của Ấn Độ); “*Philanthropic Giving in Ireland: A Scoping Project*” (Từ thiện ở Ireland: Dự án xác định phạm vi).

1.2.3. Một số công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến thực hiện pháp luật nói chung

Hoạt động THPL nói chung và THPL trên các lĩnh vực khác nhau cũng như THPL liên quan đến một số đối tượng đã được đề cập trong một số công trình nghiên cứu được công bố ở nước ngoài. Điển hình: Một số nghiên cứu về thực hiện pháp luật nói chung như: “*The Rule of Law*” (Quy tắc của pháp luật); “*The Enforcement of Law: Theories and Procedures*” (Thi hành luật: Các lý thuyết và thủ tục)...

1.2.4. Một số công trình nghiên cứu ở ngoài nước có liên quan đến thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Qua tìm hiểu thấy rằng, đến nay đã có nhiều công trình nghiên cứu được công bố ở nước ngoài có liên quan đến vấn đề THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai. Để góp phần nâng cao hiệu quả THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, cần phải xây dựng được một hệ thống các văn bản pháp luật hoàn chỉnh về lĩnh vực này: Sách chuyên khảo “*Disaster Law*” (Luật Thiên tai); “*Charity law and the Liberal State*” (Luật từ thiện và Nhà nước tự do); “*International Disaster Response Law*” (Luật ứng phó thảm họa quốc tế)... Bên cạnh đó, khi phân tích về các vấn đề có liên quan trực tiếp đến THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, đã có một số công trình như: Sách chuyên khảo “*Handbook of Disaster Risk Reduction and Management*” (Sổ tay giảm thiểu và quản lý rủi ro thiên tai); “*Volunteerism & Disaster Resilience in Thailand: Institutional Design for Reducing Migrant Workers’ Vulnerability to Floods in Thailand*” (Tình nguyện và khả năng chống chịu thiên tai ở Thái Lan: Thiết kế thể chế để giảm thiểu sự dễ bị tổn thương của lao động di cư trước lũ lụt ở Thái Lan). Trong tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT, vấn đề công khai, minh bạch và thực hiện trách nhiệm giải trình là yêu cầu rất quan trọng được đặt ra theo quy định pháp luật, trong bài viết “*Accountability Online: Understanding the Web-Based Accountability Practices of Nonprofit Organizations*” (Trách nhiệm giải trình trực tuyến: Tìm hiểu thực tiễn trách nhiệm giải trình dựa trên Web của các Tổ chức phi lợi nhuận); “*The public benefit requirement in charity law: the mystery of the balancing act*” (Yêu cầu lợi ích công cộng trong luật từ thiện: Bí ẩn của hành động cân bằng); “*Improving Charity Accountability: Lessons From the Scottish Experience*” (Cải thiện trách nhiệm giải trình từ thiện: Bài học từ kinh nghiệm của Scotland)...

1.3. ĐÁNH GIÁ, NHẬN XÉT TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.3.1. Những vấn đề đã được các công trình nghiên cứu làm rõ

Trong phạm vi tài liệu mà tác giả khảo cứu được, đến nay chưa có công trình khoa học nào ở cấp độ luận án tiến sĩ có nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện

về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT và THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam. Mặc dù vậy, các nghiên cứu đã được công bố vẫn rất hữu ích, giúp cho nghiên cứu sinh tham khảo, kế thừa trong quá trình thực hiện luận án nhằm góp phần phân tích, luận giải, làm rõ các nội dung chính của đề tài.

Trên cơ sở những khoảng trống nghiên cứu trên, luận án là công trình tiếp cận chuyên sâu dưới góc độ khoa học pháp lý, tập trung phân tích toàn diện 04 hình thức thực hiện pháp luật (tuân thủ, thi hành, sử dụng, áp dụng) và các nội dung thực hiện pháp luật (nguyên tắc, chủ thể, trình tự, phân phối, xử lý vi phạm) chuyên biệt trong lĩnh vực vận động, tiếp nhận đóng góp tự nguyện khắc phục thiên tai tại Việt Nam.

1.3.2. Những vấn đề luận án kế thừa

Thứ nhất, kế thừa các quan điểm, khái niệm nền tảng về rủi ro thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu cũng như bối cảnh kinh tế - xã hội đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với hoạt động hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam hiện nay.

Thứ hai, kế thừa cơ sở lý luận chung về pháp luật trong lĩnh vực nhân đạo, từ thiện; đặc biệt là những vấn đề lý luận mang tính nguyên tắc về quyền, nghĩa vụ và cơ chế hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện đã được làm rõ trong các nghiên cứu, luận án và đề tài khoa học trước đây.

Thứ ba, kế thừa các số liệu, kết quả khảo sát và đánh giá thực trạng về thực tiễn áp dụng pháp luật, cũng như những vướng mắc trong cơ chế quản lý, điều phối và tính minh bạch, giải trình của hoạt động vận động, tiếp nhận từ các báo cáo chuyên đề và hội thảo khoa học.

1.3.3. Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết trong luận án

Một là, nghiên cứu, phân tích, luận giải một số vấn đề lý luận về THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam.

Hai là, khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam những năm qua và đưa ra một số đánh giá, nhận xét về thực trạng này.

Ba là, phân tích và đưa ra những dự báo về các yếu tố thuận lợi và khó khăn, đồng thời đề ra các quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở Việt Nam thời gian tới.

1.4. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU VÀ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU

1.4.1. Giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết tổng quát: hiệu quả thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam bị quyết định chủ yếu bởi mức độ tập trung của cơ chế điều phối và mức độ minh bạch thông tin, chứ không phải bởi quy mô nguồn lực huy động được.

Giả thuyết thứ nhất: việc phân tán đầu mối tiếp nhận và thiếu cơ chế điều phối thống nhất là nguyên nhân trực tiếp làm gia tăng tình trạng phân bổ không

đồng đều giữa các địa bàn và kéo dài độ trễ cứu trợ. Giả thuyết thứ hai: mức độ công khai, minh bạch thông tin thu, chi có quan hệ thuận chiều với mức độ tuân thủ pháp luật của chủ thể vận động và nghịch chiều với số vụ việc tranh chấp, khiếu kiện phát sinh. Giả thuyết thứ ba: khoảng trống pháp lý về địa vị và trách nhiệm của cá nhân vận động độc lập là nguyên nhân chính làm phát sinh rủi ro trực lợi và tranh chấp trong giai đoạn 2020 - 2022, chứ không phải do thiếu chế tài xử phạt.

1.4.2. Câu hỏi nghiên cứu

- Câu hỏi nghiên cứu trung tâm: Những yếu tố nào quyết định hiệu quả thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam, và *cần tác động vào những yếu tố nào để bảo đảm hiệu quả đó?*

- Các câu hỏi nghiên cứu cụ thể gồm:

+ Câu hỏi thứ nhất: Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai có đặc trưng pháp lý gì so với thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực khác, xuất phát từ tính chất tự nguyện, phi lợi nhuận và an sinh xã hội của quan hệ này?

+ Câu hỏi thứ hai: Cần dựa trên hệ tiêu chí nào để đánh giá kết quả thực hiện pháp luật trong lĩnh vực này, và những yếu tố nào bảo đảm cho việc thực hiện pháp luật đạt hiệu quả?

+ Câu hỏi thứ ba: Thực trạng thực hiện pháp luật ở Việt Nam giai đoạn 2013 - 2025 đạt được kết quả gì, còn hạn chế gì khi đo theo hệ tiêu chí nói trên, và đâu là nguyên nhân của những hạn chế đó?

+ Câu hỏi thứ tư: Cần quan điểm và giải pháp nào để khắc phục các nguyên nhân đã xác định, trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp và chuyển đổi số hiện nay?

Chương 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI

2.1. LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI

2.1.1. Khái niệm pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Trên cơ sở khái niệm “Pháp luật”, “Vận động nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”, “Tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai” được phân tích và đưa ra ở trên, có thể hiểu: *Pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó*

khăn do thiên tai ở Việt Nam là hệ thống các quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành và các điều ước quốc tế liên quan mà Việt Nam là thành viên, trong đó quy định thẩm quyền, quy trình, cách thức thực hiện và các chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm trong quá trình tổ chức, ra lời kêu gọi, vận động, tiếp nhận, phân bổ và sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân nhằm hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai.

2.1.2. Vai trò của pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Thứ nhất, pháp luật tạo hành lang pháp lý để các cá nhân, tổ chức tự do thực hiện quyền về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện một cách hợp pháp, an toàn và được Nhà nước bảo vệ.

Thứ hai, pháp luật đảm bảo tính công khai, minh bạch, thiết lập cơ chế giải trình rõ ràng, từ đó củng cố niềm tin của nhà tài trợ đối với các chủ thể đứng ra vận động, tiếp nhận.

Thứ ba, pháp luật góp phần bảo vệ quyền lợi của những "người dễ bị tổn thương" - đối tượng thụ hưởng sự cứu trợ, đảm bảo nguồn lực được phân phối công bằng, đúng mục đích.

Thứ tư, pháp luật là công cụ sắc bén để phòng ngừa, răn đe và xử lý nghiêm các hành vi lợi dụng thiên tai, lợi dụng danh nghĩa từ thiện để trục lợi cá nhân, xâm phạm trật tự quản lý xã hội.

2.2. LÝ LUẬN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI

2.2.1. Khái niệm, đặc điểm thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Có thể hiểu: Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai là hành vi hợp pháp của các chủ thể nhằm đưa các quy định của pháp luật về lĩnh vực này vào thực tiễn, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra bằng nguồn đóng góp tự nguyện của các tập thể, cá nhân.

Đặc điểm thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

- THPL về VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thể hiện tính nhân văn, nhân đạo và trách nhiệm của Đảng, Nhà nước ta trong việc bảo vệ quyền con người, bảo vệ những "người dễ bị tổn thương" do ảnh hưởng của thiên tai.

- THPL về VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thể hiện tinh thần đoàn kết quốc tế và tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái trong truyền thống của dân tộc Việt Nam.

- THPL về VĐTĐN nguồn ĐGTĐN hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam gắn với tinh thần tự nguyện, tự giác của các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam có tính chất đa chủ thể.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam có tính chất giới hạn về thời gian (đòi hỏi phải nhanh chóng và kịp thời) và không gian.

- THPL về VĐTN nguồn ĐGTN tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp và rủi ro trong quản lý, đòi hỏi một hành lang pháp lý chặt chẽ và hiệu quả.

2.2.2. Hình thức thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Hiểu theo nghĩa chung nhất, hình thức THPL nói chung chính là những cách thức mà các chủ thể có liên quan thông qua các hành vi cụ thể của mình để đưa các quy định của pháp luật vào thực tiễn. Khoa học pháp lý đã xác định có bốn hình thức THPL gồm: *Tuân thủ pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT*

- *Thi hành pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.*

- *Sử dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT.*

- *Áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT*

2.2.3. Nguyên tắc và chủ thể thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

2.2.3.1. Nguyên tắc thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

2.2.3.2. Chủ thể thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

2.2.4. Nội dung thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

2.2.4.1. Thực hiện pháp luật trong vận động đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

2.2.4.2. Thực hiện pháp luật trong tiếp nhận và quản lý nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

2.2.4.3. Thực hiện pháp luật trong phân phối, sử dụng nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

2.2.4.4. Thực hiện pháp luật trong kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

2.2.5. Tiêu chí đánh giá và các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

Một là, tính hợp pháp.

Hai là, tính kịp thời.

Ba là, bảo đảm nguyên tắc tự nguyện.

Bốn là, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình.

Năm là, đúng mục đích, đúng đối tượng, công bằng và hiệu quả trong phân phối.

Sáu là, hiệu quả phối hợp, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm.

2.3. THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

2.3.1. Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở một số nước trên thế giới

Bốn quốc gia được lựa chọn nghiên cứu trong mục này đáp ứng ít nhất hai trong ba tiêu chí sau: (i) thường xuyên chịu tác động của thiên tai với cường độ lớn; (ii) có khuôn khổ pháp luật tương đối hoàn chỉnh về hoạt động từ thiện và cứu trợ; (iii) có điểm tương đồng về điều kiện địa lý, văn hóa hoặc mô hình tổ chức bộ máy với Việt Nam. Theo đó, Nhật Bản và Philippines được chọn vì là nhà nước đơn nhất, cùng khu vực châu Á - Thái Bình Dương và chịu nhiều loại hình thiên tai tương tự Việt Nam; Hoa Kỳ và Australia được chọn vì có hệ thống điều tiết hoạt động từ thiện phát triển sớm, cung cấp góc đối chiếu về cơ chế đăng ký, giám sát và công khai thông tin.

2.3.2. Giá trị tham khảo thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở một số nước trên thế giới đối với Việt Nam

Thứ nhất, từ kinh nghiệm xây dựng một đạo luật riêng về từ thiện, nhân đạo ở một số nước, các cơ quan chức năng Việt Nam có thể nghiên cứu, đề xuất xây dựng và trình Quốc hội ban hành Luật Từ thiện, nhân đạo..

Thứ hai, nghiên cứu kinh nghiệm của các nước liên quan đến việc thành lập Quỹ hỗ trợ thiên tai quốc gia thực hiện việc VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT, đồng thời thực hiện việc kiểm toán độc lập nhằm đảm bảo công khai, minh bạch.

Thứ ba, trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT cần quy định rõ hơn trách nhiệm pháp lý giữa các cấp chính quyền cũng như các tổ chức, cá nhân đứng ra thực hiện hoạt động này.

Chương 3

THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

3.1. THỰC TRẠNG CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

3.1.1. Yếu tố về tự nhiên

Với đặc điểm địa hình, khí hậu đa dạng, phức tạp, đường bờ biển dài, Việt Nam là một trong những quốc gia thường xuyên xảy ra và gánh chịu hậu quả tác

hại do thiên tai gây ra. Thiên tai ở nước ta được chia thành 22 loại hình khác nhau và hầu hết các loại thiên tai (21/22 loại, trừ sóng thần) đã xảy ra và gây hậu quả, tác hại. Hằng năm, người dân ở các địa phương thường xuyên chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thiên tai, cụ thể là: Tình trạng lũ quét, sạt lở đất ở các tỉnh miền núi phía Bắc; tình hình bão lụt ở các tỉnh ven biển, nhất là tại các tỉnh miền Trung; tình hình nắng hạn ở các tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên... Là các yếu tố thuộc về thiên nhiên nên dù muốn hay không thì hằng năm thiên tai vẫn xảy ra ở các mức độ khác nhau. Bên cạnh đó, do tác động của mặt trái quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sự thiếu ý thức bảo vệ và những hoạt động can thiệp “thô bạo” của con người vào tự nhiên nên tình hình thiên tai ở Việt Nam những năm qua tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, gây ra những hậu quả nghiêm trọng đến đời sống xã hội.

3.1.2. Yếu tố đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước

Việc tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta chịu ảnh hưởng trực tiếp của đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực này, hay nói cách khác là mức độ hoàn thiện và phù hợp và phát huy trong thực tiễn của hệ thống đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật về lĩnh vực này.

3.1.3. Yếu tố kinh tế, cơ sở vật chất, khoa học và công nghệ

Yếu tố về kinh tế, cơ sở vật chất, khoa học công nghệ có ảnh hưởng quan trọng đến quá trình tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT ở nước ta. Cụ thể:

- *Yếu tố về kinh tế bao gồm:* Điều kiện kinh tế và khả năng đóng góp của các tập thể, cá nhân khi hưởng ứng tham gia đóng góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai; điều kiện kinh tế và khả năng của các chủ thể đứng ra vận động, quyên góp nguồn lực hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.

- *Các yếu tố về cơ sở vật chất gồm:* Nguồn lực tài chính và vật chất, đặc biệt là việc bố trí nguồn đối ứng trong nước và cơ chế tiếp nhận viện trợ quốc tế ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ và hiệu quả triển khai. Bên cạnh đó, phương tiện đi lại, phương tiện vận chuyển, đồ dùng phục vụ đóng gói, bảo quản nguồn ĐGTN là hiện vật, nhất là lương thực, thực phẩm...

- *Các yếu tố về khoa học và công nghệ gồm:* Khoa học và công nghệ và trình độ sử dụng khoa học và công nghệ để thực hiện việc vận động, quyên góp, tiếp nhận nguồn ĐGTN; công khai, minh bạch và giám sát quá trình VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDT. Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 đã và đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay, nhằm khai thác, tận dụng những lợi thế vô cùng to lớn của khoa học và công nghệ, việc nghiên cứu ứng dụng yếu tố.

3.1.4. Yếu tố con người

Trong các yếu tố ảnh hưởng đến việc THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta, yếu tố con người chính là yếu tố tác động ảnh hưởng nhiều nhất. Bởi vì, con người chính là chủ thể tổ chức triển khai THPL về lĩnh vực này. Hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT được bắt đầu từ khi các chủ thể được phép đứng ra vận động, quyên góp theo quy định của pháp luật có thông báo về việc tổ chức tiến hành hoạt động này cho đến khi các nguồn lực sau khi tiếp nhận được phân phối đến chính quyền và người dân ở các vùng miền, địa phương, địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai gây ra.

3.1.5. Yếu tố sự phối hợp liên ngành và sự phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan

Theo quy định của pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT nói chung và quy định của Nghị định số 93/2021/NĐ-CP nói riêng, có nhiều chủ thể khác nhau là các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân được phép đứng ra quyên góp, vận động nguồn lực nhằm hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.

3.2. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN PHÁP LUẬT THEO CÁC HÌNH THỨC VÀ THEO CÁC CÔNG ĐOẠN CỦA HOẠT ĐỘNG VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

3.2.1. Về hình thức thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

3.2.1.1. *Tuân thủ pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam*

Những năm qua, khi có thiên tai xảy ra và gây thiệt hại ở các vùng miền, địa phương, địa bàn trong cả nước, các chủ thể đã tổ chức vận động, quyên góp hỗ trợ cấp ủy, chính quyền và nhân dân ở những nơi xảy ra thiên tai. Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, từ năm 2013 đến hết năm 2025, các tập thể, cá nhân ở trong nước đã hưởng ứng và tham gia ĐGTN với tổng số tiền và hàng hóa trị giá 63.680 tỷ đồng, trong đó hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai ở trong nước là 63.248 tỷ đồng. Ngoài ra, Việt Nam còn tiếp nhận nguồn viện trợ quốc tế trị giá 779 tỷ đồng nhằm hỗ trợ chính quyền và người dân ở trong nước khắc phục hậu quả thiên tai. Tuy nhiên, thực tiễn hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT những năm qua, vẫn còn tình trạng một bộ phận không nhỏ đối tượng tham gia đóng góp nguồn lực chưa nhận thức rõ các quy định pháp luật về lĩnh vực này; chưa ý thức rõ quyền, lợi ích và còn có tâm lý qua loa, đại khái khi tham gia hoạt động này; không chú trọng tìm hiểu và xác minh thông tin về hậu quả thiên tai gây ra ở các địa bàn cụ thể nhận nguồn ĐGTN cũng như về các chủ thể đứng ra kêu gọi, VĐTN các nguồn ĐGTN cứu trợ thiên tai.

Những năm qua, các cơ quan chức năng chưa phát hiện hành vi cản trở hoặc ép buộc tổ chức, cá nhân tham gia vận động, đóng góp, tiếp nhận, phân phối và sử

dụng nguồn ĐGTN. Bên cạnh đó, sau khi thiên tai xảy ra, Chính phủ thường có công điện gửi các Bộ, ngành liên quan và các địa phương yêu cầu thực hiện công tác quản lý và giám sát chặt chẽ nên đã không để xảy ra tình trạng lợi dụng thiên tai để đầu cơ nâng giá hàng hóa, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm để trục lợi, gây thiệt hại tới đời sống dân sinh. Tuy nhiên, thực tiễn đã phát hiện một số trường hợp vi phạm những điều nghiêm cấm của pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT. Một số hành vi vi phạm pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT điển hình trong những năm qua như: (1) Hành vi báo cáo, cung cấp thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt nguồn ĐGTN cứu trợ thiên tai. Đáng chú ý, nhằm chống phá Đảng, Nhà nước ta, trong suốt những năm qua, lĩnh vực liên quan đến thiên tai và cứu trợ thiên tai vẫn luôn được các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước lợi dụng nhằm tuyên truyền những luận điệu xuyên tạc.

3.2.1.2. Thi hành pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Thi hành pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT là việc các chủ thể chủ động thực hiện những nghĩa vụ mà pháp luật quy định khi tham gia hoạt động này. Nhìn chung các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân đã thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ pháp lý của mình theo quy định pháp luật hiện hành trong quá trình tiến hành hoạt động VĐTN các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT những năm qua. Trên cơ sở đó, các cuộc vận động đã huy động được nhiều tập thể, cá nhân trong và ngoài nước tham gia, đóng góp được một nguồn lực vô cùng quan trọng góp phần hỗ trợ các địa phương, người dân ở các nơi thiên tai xảy ra và gây hậu quả tác hại. Đa số các chủ thể tham gia hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đã tuân thủ, chấp hành, sử dụng nghiêm túc các quy định về cách thức, quy trình của hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, nhất là các thủ tục về công khai, minh bạch các nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.

3.2.1.3. Sử dụng pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Những năm qua, công tác xây dựng và ban hành pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đã được Đảng, Nhà nước ta quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai. Hệ thống các văn bản pháp luật đã được ban hành, bổ sung, chỉnh sửa nhằm điều chỉnh các vấn đề liên quan đến vận động, quyên góp hỗ trợ thiên tai ở trong nước, tiếp nhận nguồn cứu trợ quốc tế và tham gia hỗ trợ các quốc gia trong khu vực và trên thế giới chịu hậu quả thiệt hại do thiên tai. Những năm qua, các chủ thể được phép tiến hành VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và các chủ thể tham gia ĐGTN đã sử dụng có hiệu quả các quyền của mình theo quy định của pháp luật; chưa phát hiện tập thể, cá nhân nào bị cưỡng ép tham gia hoạt động này. Các chủ thể này đều đảm bảo đủ năng lực pháp luật (năng

lực hành vi dân sự đối với cá nhân và tư cách pháp nhân đối với tổ chức, doanh nghiệp) để tham gia hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT.

3.2.1.4. Áp dụng pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Những năm qua, nhằm bảo đảm việc THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời phòng ngừa, kịp thời phát hiện và xử lý các sai phạm, vi phạm xảy ra, các cơ quan chức năng có thẩm quyền đã chủ động triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động này. Việc thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT nhằm mục đích giúp cho hoạt động này được thực hiện công khai, minh bạch, công bằng, nguồn ĐGTĐ được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đồng thời phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, hành vi trục lợi của các tập thể, cá nhân khi tham gia hoạt động này. Bên cạnh đó, việc tổ chức giám sát của các cơ quan thông tin đại chúng và của người dân đối với hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT cũng được thực hiện thường xuyên và có hiệu quả hơn những năm qua.

3.2.2. Về nội dung thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

3.2.2.1. Về vận động và chủ thể tham gia vận động

* *Về ưu điểm:* Thứ nhất, thể hiện sự thành công của chủ trương "xã hội hóa" công tác nhân đạo, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần tương thân tương ái; Thứ hai, tính linh hoạt và chuyên biệt hóa cao.

* *Về hạn chế:* Thứ nhất, rủi ro mất kiểm soát đối với cá nhân đứng ra vận động; Thứ hai, sự phân tán nguồn lực và thiếu đồng bộ trong quản lý quỹ; Thứ ba, gây khó khăn cho công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát.

3.2.2.2. Về tiếp nhận, quản lý nguồn đóng góp và bảo đảm công khai, minh bạch

Thực tiễn áp dụng nội dung pháp luật về trình tự, thủ tục VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT cho thấy có sự phân hóa rõ rệt ở các giai đoạn thực hiện. Trong khâu khởi tạo đợt vận động (như lập tài khoản riêng, thông báo mục đích vận động trên phương tiện thông tin đại chúng và thông báo với chính quyền sở tại), cơ bản đã được các chủ thể, bao gồm cả các cá nhân, thực hiện tương đối tốt, tuân thủ đúng định hướng của pháp luật. Song, vướng mắc lớn nhất trong thực tiễn thực hiện nội dung pháp luật này lại nằm ở khâu kết thúc đợt VĐTĐ nguồn ĐGTĐ. Sự thiếu minh bạch và lúng túng trong giải trình tài chính. Thực tiễn này minh chứng rõ nét cho việc hệ thống pháp luật hiện hành về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT vẫn đang quản lý trên bề mặt hồ sơ giấy tờ mà thiếu đi cơ chế điều chỉnh số hóa. Từ đó cho thấy, để bảo đảm nội dung công khai, minh bạch đi vào thực chất, yêu cầu cấp thiết hiện nay là pháp luật phải

bắt buộc xây dựng và ứng dụng hệ thống số hóa sổ sách, đồng bộ hóa dữ liệu trên "Nền tảng tiếp nhận và phân bổ" quốc gia, thay vì chỉ dựa vào các báo cáo mang tính ước lệ như hiện nay.

3.2.2.3. Về phân phối, sử dụng nguồn lực

Theo quy định đã phân tích tại mục 2.2.3 của luận án, các chủ thể khi thực hiện phân phối, sử dụng nguồn ĐGTN bắt buộc phải có sự liên hệ, phối hợp với Ủy ban nhân dân hoặc Mặt trận Tổ quốc nơi tiếp nhận hỗ trợ để được hướng dẫn, nhằm đảm bảo đúng đối tượng và an toàn. Đối chiếu với tiêu chí tính hợp pháp, thực tiễn cho thấy mức độ tuân thủ nghĩa vụ này còn thấp: nhiều đoàn từ thiện, nhóm cá nhân do tâm lý muốn trao quà tận tay, hoặc e ngại thủ tục hành chính, đã cố tình bỏ qua khâu phối hợp này để tự đi phát quà. Hậu quả tất yếu của việc không thông qua đầu mối điều phối thống nhất là sự phân bổ nguồn lực không đồng đều.

3.2.2.4. Về kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Việc thực hiện các nội dung quy định pháp luật về kiểm tra, giám sát đối với hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hiện nay gặp nhiều khó khăn, vướng mắc xuất phát từ sự chồng chéo về thẩm quyền giữa nhiều cơ quan quản lý nhà nước (Bộ Tài chính, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các cấp). Đặc biệt, đối với khâu tiếp nhận các dự án viện trợ quốc tế khẩn cấp theo Nghị định số 50/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 53/2026/NĐ-CP) của Chính phủ. Hơn nữa, về nội dung chế tài xử lý vi phạm, các quy định xử phạt hiện hành đối với những hành vi sai phạm có quy mô nhỏ, hoặc những sai sót xuất phát từ nguyên nhân chủ quan như "thiếu kinh nghiệm kế toán", vận động "theo cảm tính" của các cá nhân nhìn chung chưa đủ sức răn đe. Đáng chú ý, thực tiễn áp dụng pháp luật của các cơ quan chức năng đang vấp phải sự lúng túng lớn do hệ thống quy phạm chưa phân định rạch ròi ranh giới giữa vi phạm hành chính

3.3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

3.3.1. Những kết quả đạt được trong thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

** Ưu điểm trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam.*

Một là, pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta được xây dựng ngày càng cụ thể, rõ ràng, minh bạch hơn.

Hai là, nhận thức pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của các cấp, các ngành, cơ quan, tổ chức, đoàn thể, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân ngày càng được nâng cao.

Ba là, việc tuân thủ, thi hành, sử dụng và áp dụng pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT của các chủ thể có liên quan đã có những chuyển biến tích cực và hiệu quả đạt được ngày càng cao hơn.

Bốn là, công tác phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm của các tập thể, cá nhân trong tham gia VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT đạt được những kết quả quan trọng, ngày càng hiệu quả và kịp thời hơn.

** Nguyên nhân của ưu điểm trong THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở Việt Nam.*

Thứ nhất, công tác xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa, hoàn thiện pháp luật cũng như việc tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ngày càng được quan tâm, chú trọng thực hiện.

Thứ hai, việc thực hiện và bảo đảm THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT là chủ trương nhất quán và được Đảng, Nhà nước ta quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động vận động, quyền góp hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai.

Thứ ba, nhận thức của các cấp, các ngành, các cơ quan, đoàn thể và quần chúng nhân dân, nhất là của các chủ thể tiến hành hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT và tham gia ĐGTN về vai trò, ý nghĩa, tầm quan trọng của việc bảo đảm THPL về lĩnh vực này ngày càng được nâng cao.

Thứ tư, quá trình tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT ở nước ta nhận được sự đồng tình, hưởng ứng mạnh mẽ của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đoàn thể và đông đảo quần chúng nhân dân và sự chia sẻ của quốc tế.

Thứ năm, trong quá trình tổ chức THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDTT, các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã rút ra những kinh nghiệm cần thiết nhằm thực hiện có hiệu quả hơn pháp luật về lĩnh vực này.

3.3.2. Hạn chế trong thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai ở Việt Nam

Một là, chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về VĐTN, tiếp nhận nguồn ĐGTN chưa đạt mục tiêu đề ra, dẫn đến tình trạng sai lệch trong nhận thức và tuân theo pháp luật của các chủ thể. *Hai là*, việc thực hiện các quy trình, thủ tục bắt buộc (đặc biệt là nghĩa vụ công khai, minh bạch) của các chủ thể vận động còn có những trường hợp chưa nghiêm túc; đồng thời, quyền giám sát của chủ thể đóng góp chưa được thực thi hiệu quả trên thực tế. *Ba là*, việc thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa các cơ quan, tổ chức trong nước còn thiếu đồng bộ, chậm trễ; các phương thức hợp tác quốc tế trong tiếp nhận, điều phối nguồn đóng góp tự nguyện chưa được tối ưu hóa. *Bốn là*, thực thi kiểm soát, giám sát các phương thức vận động trên không gian mạng còn bất cập; nguyên tắc "tự nguyện" của pháp luật chưa được thực hiện triệt để.

Những hạn chế nêu trên trong THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta những năm qua xuất phát từ các nguyên nhân sau:

Thứ nhất, pháp luật về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta chưa thực sự hoàn thiện và đáp ứng yêu cầu thực tiễn đặt ra hiện nay.

Thứ hai, nhận thức, trách nhiệm trong tổ chức THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT của một bộ phận tập thể, cá nhân còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Thứ ba, hệ thống tổ chức và các nguồn lực đầu tư cho việc tổ chức THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở nước ta chưa thực sự được kiện toàn và còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra hiện nay.

Thứ tư, việc triển khai quan hệ phối hợp giữa các cấp, các ngành, cơ quan, đoàn thể, lực lượng cũng như với các tập thể, cá nhân tham gia THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT và quan hệ hợp tác quốc tế trong quá trình tổ chức THPL về lĩnh vực này có lúc, có nơi chưa được tiến hành thường xuyên, chặt chẽ, nội dung, hình thức chưa phong phú, đa dạng.

Thứ năm, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm về các vấn đề có liên quan đến THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT chưa thực sự được triển khai thường xuyên và hiệu quả đã ảnh hưởng nhất định đến quá trình THPL về lĩnh vực này.

Chương 4

QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

4.1. QUAN ĐIỂM BẢO ĐẢM THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI

4.1.1. Quán triệt sự lãnh đạo của Đảng và định hướng đổi mới công tác thi hành pháp luật trong kỷ nguyên mới đối với vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

4.1.2. Đảm bảo tính đồng bộ hệ thống pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai và gắn với quyền con người

4.1.3. Thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai phải phù hợp với thực tiễn kinh tế - xã hội, chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quốc tế

4.2. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ VẬN ĐỘNG, TIẾP NHẬN NGUỒN ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN HỖ TRỢ KHẮC PHỤC KHÓ KHĂN DO THIÊN TAI Ở VIỆT NAM

4.2.1. Nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

4.2.2. Hoàn thiện pháp luật vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

4.2.3. Tăng cường hợp tác quốc tế về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai

KẾT LUẬN

Thiên tai với những loại hình khác nhau là hiện tượng thường xuyên xảy ra ở hầu hết các quốc gia trên thế giới. Những năm qua, tình hình thiên tai ở nước ta tiếp tục có những diễn biến phức tạp, với xu hướng ngày càng gia tăng cả về tính chất và mức độ, xảy ra ở khắp các vùng, miền trong cả nước và gây ra những hậu quả tác hại vô cùng nghiêm trọng, ảnh hưởng và gây thiệt hại đến tính mạng, tài sản, đời sống của người dân. Phát huy truyền thống nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam, mỗi khi có thiên tai xảy ra và gây hậu quả tác hại thì hoạt động vận động, quyên góp các nguồn lực nhằm hỗ trợ khắc phục KKDDTT lại được các tập thể, cá nhân tiến hành và đã trở thành phong trào chung trong cả nước. Nhờ đó nguồn ĐGTN đã được huy động rộng rãi ở cả trong nước và nước ngoài nhằm góp phần hỗ trợ những nguồn lực cần thiết để cấp ủy, chính quyền và nhân dân ở những địa bàn chịu thiệt hại do thiên tai sớm ổn định cuộc sống và dần trở lại với cuộc sống bình thường.

Nhằm quản lý và nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở nước ta, Đảng, Nhà nước đã sớm ban hành các văn bản chỉ đạo, đồng thời chỉ đạo xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực này. Trên cơ sở nghiên cứu về những vấn đề lý luận và thực tiễn về THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở Việt Nam những năm qua, luận án đã đạt được một số kết quả như sau:

Thứ nhất, luận án đã nghiên cứu, phân tích làm rõ cơ sở lý luận của THPL về VĐTN nguồn ĐGTN hỗ trợ khắc phục KKDDTT ở Việt Nam, trong đó làm rõ khái niệm, đặc điểm, vai trò, hình thức, nguyên tắc và chủ thể thực hiện pháp luật; cơ cấu nội dung thực hiện pháp luật theo bốn công đoạn: vận động; tiếp nhận, quản lý; phân phối, sử dụng; kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm; đồng thời xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và xác định các yếu tố bảo đảm thực hiện pháp luật về

lĩnh vực này. Luận án cũng đã khảo cứu tình hình THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở một số quốc gia trên thế giới để trên cơ sở đó rút ra những vấn đề mà Việt Nam có thể tham khảo nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả việc THPL về lĩnh vực này ở nước ta.

Thứ hai, luận án đã phân tích, đánh giá một cách tương đối toàn diện thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam những năm qua trên cơ sở đối chiếu với bộ tiêu chí đánh giá đã xây dựng tại Chương 2, trong đó đã chỉ ra những ưu điểm, hạn chế và xác định những nguyên nhân cơ bản của những ưu điểm, hạn chế trong tổ chức THPL về lĩnh vực này những năm qua. Điều này đã giúp hình dung bức tranh tổng thể về việc THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam, làm cơ sở khoa học cho việc đề ra các giải pháp nhằm bảo đảm THPL về lĩnh vực này ở Việt Nam thời gian tới.

Thứ ba, trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước và thực trạng THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam những năm qua, luận án đề xuất các quan điểm và giải pháp nhằm bảo đảm THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thời gian tới. Các giải pháp được thiết kế thành ba nhóm, tương ứng với các nhóm nguyên nhân đã chỉ ra tại Chương 3: nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện pháp luật; tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; tăng cường quan hệ phối hợp và hợp tác quốc tế. Mỗi nhóm giải pháp được gắn với tiêu chí đánh giá tương ứng, xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm chính, lộ trình thực hiện và thứ tự ưu tiên triển khai.

Có thể thấy, kết quả nghiên cứu của luận án góp phần phát triển và hoàn thiện lý luận về THPL ở Việt Nam nói chung và THPL về VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam nói riêng. Những phân tích và đánh giá về thực trạng cũng như các giải pháp đưa ra trong luận án có thể được các cơ quan, tổ chức, tập thể, cá nhân ở trong nước và cả ngoài nước tổ chức hoặc tham gia hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam theo đúng quy định của pháp luật về lĩnh vực này và đạt hiệu quả cao nhất, qua đó góp phần không ngừng lan tỏa giá trị nhân văn, nhân đạo và huy động được sự tham gia đông đảo của các tập thể và cá nhân tham gia hoạt động VĐTĐ nguồn ĐGTĐ hỗ trợ khắc phục KKĐTT ở Việt Nam thời gian tới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Lê Thị Phụng (2024), “Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 340 (5/2024) tr.133-136.
2. Lê Thị Phụng (2024), “Pháp luật về quản lý nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai trên thế giới và kinh nghiệm cho Việt Nam”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 344 (9/2024), tr.122-126.
3. Lê Thị Phụng (2025), “Phát huy vai trò văn nghệ sỹ, người nổi tiếng trong vận động, tiếp nhận nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai”, *Tạp chí Quản lý nhà nước*, số 349 (2/2025), tr.77-82.